

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 256 THÁNG 10 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 256 tháng 10 năm 2018.

1. Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế biển Việt Nam/ Hoàng Xuân Hòa// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 2 – 10

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích một số vấn đề cơ bản về kinh tế biển, phát triển kinh tế biển cũng như các ngành kinh tế biển; đánh giá tổng quan thực trạng, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong phát triển kinh tế biển Việt Nam thời gian qua theo tinh thần Nghị quyết 09-NQ/TW Hội nghị Trung ương 4, khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, bài viết đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về phát triển kinh tế biển đối với nước ta trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Chiến lược biển; Kinh tế biển; Các ngành kinh tế biển; Phát triển kinh tế biển

2. Thực trạng giao dịch công nghệ và khả năng nghiên cứu và phát triển công nghệ tại Việt Nam/ Nguyễn Thị Phương, Đặng Thu Hương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 11 – 20

Tóm tắt: Nghiên cứu xem xét thực trạng giao dịch công nghệ từ phía doanh nghiệp mua công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ và khả năng nghiên cứu và phát triển công nghệ tại khu vực chế tác của Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016. Kết quả chỉ ra tổng giá trị giao dịch công nghệ của các doanh nghiệp chế tác trong mẫu điều tra có xu hướng giảm từ 11,6 nghìn tỷ VND năm 2012 xuống còn 9,87 nghìn tỷ VND năm 2016. Giá trị giao dịch công nghệ của các doanh nghiệp được điều tra chủ yếu đến từ nhập khẩu công nghệ nước ngoài chiếm hơn 90%. Nghiên cứu áp dụng mô hình lựa chọn Heckman để xem xét cầu công nghệ từ nước ngoài là bổ sung hay thay thế cho đầu tư vào nghiên cứu và phát triển trong nội bộ doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu về số bằng sáng chế được cấp. Kết quả chỉ ra khi số lượng bằng sáng chế lớn hơn thì khả năng cầu công nghệ từ nước ngoài tăng lên khi các yếu tố khác không đổi.

Từ khóa: Giao dịch công nghệ; Khu vực chế tác; Nhập khẩu công nghệ; Nghiên cứu và phát triển

3. Đo lường rủi ro Quốc gia bằng mô hình quyền chọn - Đánh giá hiệu quả và dự báo/ Hồ Hồng Hải, Trần Duy Long// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 21 – 31

Tóm tắt: Mô hình quyền chọn đã được ứng dụng để đo lường rủi ro tín dụng ở cấp độ doanh nghiệp nhưng ứng dụng tương tự trên quy mô quốc gia còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đối với những thị trường tài chính còn non trẻ. Nghiên cứu này là một trong những công trình đầu tiên đánh giá độ tin cậy của phương pháp đo lường rủi ro quốc gia bằng mô hình quyền chọn (Contingent Claims Analysis – CCA) tại Đông Nam Á. Kết quả cho thấy kết quả của mô hình CCA phản ánh sát rủi ro quốc gia trong khoảng thời gian dài, đồng thời có thể đưa ra những dự báo định lượng về rủi ro vỡ nợ của một quốc gia trong ngắn hạn.

Từ khóa: Mô hình quyền chọn; Rủi ro vỡ nợ

4. Khoảng cách quốc gia ảnh hưởng như thế nào đến thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam?/ Võ Văn Dứt// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 32 – 41

Tóm tắt: Mục tiêu của bài viết này là ước lượng các yếu tố khoảng cách quốc gia ảnh hưởng như thế nào đến thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam. Nghiên cứu giả thuyết rằng, khoảng cách văn hóa, thể chế, và kinh tế có ảnh hưởng nghịch biến đến thâm nhập tài sản địa phương của các công ty đa quốc gia. Sử dụng dữ liệu từ Ngân hàng thế giới điều tra các công ty con thuộc các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và hồi quy tuyến tính để kiểm định các giả thuyết. Kết quả cho thấy rằng, khoảng cách văn hóa, thể chế giữa nước đầu tư và Việt Nam càng lớn thì việc thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam càng bị cản trở. Tuy nhiên, nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng thực nghiệm nào cho tác động của khoảng cách kinh tế đến thâm nhập tài sản địa phương. Một vài hàm ý quản trị cũng được đề nghị trong bài viết này.

Từ khóa: Công ty đa quốc gia; Khoảng cách kinh tế; Khoảng cách thể chế; Khoảng cách văn hóa; Thâm nhập tài sản địa phương

5. Ảnh hưởng nội ngành của mua lại cổ phiếu trong các công ty công nghiệp Việt Nam/ Nguyễn Thị Hoa Hồng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 42 – 51

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng nội ngành của hoạt động mua lại cổ phiếu trong các công ty công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010-2017. Kết quả từ phương pháp nghiên cứu sự kiện cho thấy việc một doanh nghiệp trong ngành công nghiệp thông báo hay kết thúc việc thực hiện mua lại cổ phiếu hầu như không ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của các công ty cùng ngành, trừ tác động mang tính tích cực rất nhỏ trong khoảng thời gian 3 ngày xung quanh thời điểm kết thúc việc mua lại cổ phiếu. Bên cạnh đó, lợi nhuận bất thường tích lũy trung bình của các công ty đối thủ cũng phụ thuộc vào những đặc điểm như tính thanh khoản của chính công ty họ, cũng như thời

điểm và lợi nhuận bất thường tích lũy của công ty cùng ngành thực hiện hoạt động mua lại cổ phiếu.

Từ khóa: Lợi nhuận bất thường tích lũy trung bình; Ảnh hưởng nội ngành; Thị trường hiệu quả; Biến động giá cổ phiếu; Mua lại cổ phiếu

6. Vận dụng mô hình CVCS trong dự báo lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Đặng Thị Huyền Hương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 52 – 59

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu mô hình biến động chi phí và chi phí cứng nhắc (CVCS) trong dự báo lợi nhuận tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2008 – 2017, lợi nhuận dự báo năm tiếp theo của các doanh nghiệp niêm yết chịu ảnh hưởng của lợi nhuận và doanh thu kỳ trước liền kề, tuy nhiên sự biến động doanh thu không ảnh hưởng đến giá trị dự báo lợi nhuận. Khác với các mô hình dự báo lợi nhuận dựa vào thông tin quá khứ trên báo cáo tài chính, mô hình này đã tính đến ảnh hưởng của sự biến động thị trường (biến động doanh thu) trong dự báo lợi nhuận của doanh nghiệp.

Từ khóa: Mô hình CVCS; Chi phí cứng nhắc; Dự báo lợi nhuận; Chi phí bất cân xứng

7. Ảnh hưởng của thông tin truyền miệng trực tuyến đến ý định lựa chọn điểm đến của du khách Việt Nam/ Vũ Thị Thu Trà, Đào Trung Kiên, Nguyễn Ngọc Đạt// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 60 – 71

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích đánh giá ảnh hưởng của các thuộc tính trong thông tin truyền miệng trực tuyến đến ý định lựa chọn điểm đến du lịch của du khách Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng điều tra bằng bảng hỏi có cấu trúc và các phân tích đa biến cho dữ liệu điều tra. Kết quả phân tích từ 495 người được khảo sát trên toàn quốc cho thấy ý định lựa chọn điểm đến chịu ảnh hưởng gián tiếp từ các nhân tố (1) chất lượng thông tin; (2) sự cần thiết của thông tin; (3) thái độ với thông tin; (4) sự hữu ích của thông tin; (5) tính tự chủ và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tiếp nhận thông tin.

Từ khóa: Thông tin truyền miệng trực tuyến; Chất lượng thông tin; Ý định lựa chọn điểm đến; Sự cần thiết thông tin; Tính tự chủ

8. Ảnh hưởng của thiết kế công việc, vốn tâm lý, sự trưởng thành trong công việc đến sự đổi mới trong công việc của người lao động ở các khách sạn, khu nghỉ dưỡng tại thành phố Nha Trang/ Phạm Hồng Liêm, Hồ Huy Tụ// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 72 – 81

Tóm tắt: Sự đổi mới trong công việc của người lao động được xem là chìa khóa thành công của tổ chức, nhưng kích thích và khai thác tiềm năng đổi mới đó là một thách thức trong quản trị nhân sự. Nghiên cứu khám phá ảnh hưởng của các nhân tố thiết kế công

việc, vốn tâm lý, sự trưởng thành trong công việc đến sự đổi mới trong công việc của người lao động trong các khách sạn và khu nghỉ dưỡng tại thành phố Nha Trang. Dựa trên dữ liệu thu thập từ 612 nhân viên, kết quả phân tích mô hình phương trình cấu trúc chỉ ra rằng vốn tâm lý và thiết kế công việc có ảnh hưởng trực tiếp tích cực đến sự đổi mới trong công việc của người lao động. Hơn nữa, hai nhân tố này còn giữ vai trò thúc đẩy sự trưởng thành trong công việc, và từ đó kích thích sự đổi mới trong công việc của họ. Vì vậy, nghiên cứu này có các hàm ý ứng dụng quan trọng nhằm hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực hướng đến việc thúc đẩy phát triển các dịch vụ mang tính sáng tạo tại các khách sạn và khu nghỉ dưỡng tại thành phố Nha Trang.

Từ khóa: Thiết kế công việc; Vốn tâm lý; Khách sạn và khu nghỉ dưỡng; Sự trưởng thành trong công việc; Sự đổi mới trong công việc

9. Nghiên cứu tác động của chính sách tự chủ tài chính đến chất lượng bệnh viện công lập tại Việt Nam/ Đỗ Đức Kiên, Nguyễn Thị Ngọc Lan// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 82 – 91

Tóm tắt: Công trình dưới đây nghiên cứu tác động của chính sách tự chủ tài chính đến các chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu chất lượng bệnh viện công lập của Việt Nam. Mẫu nghiên cứu bao gồm 36 bệnh viện công lập thuộc Bộ Y tế và thời gian nghiên cứu từ năm 2005 đến năm 2015. Sử dụng kiểm định so sánh giá trị trung bình, kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách tự chủ tài chính một phần làm tăng thu sự nghiệp y tế, giảm ngân sách nhà nước và làm tăng chi cho con người, chi cho chuyên môn nghiệp vụ, đầu tư mua sắm cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, tác động của chính sách tự chủ tài chính một phần đến chất lượng bệnh viện công lập còn khá mờ nhạt. Kết quả mô hình đánh giá sự khác biệt trong sự khác biệt (DID) cũng cho thấy có rất ít bằng chứng thực nghiệm chứng minh rằng chính sách tự chủ tài chính toàn bộ có tác động đến chất lượng bệnh viện công lập.

Từ khóa: Tự chủ tài chính; Chất lượng bệnh viện; Bệnh viện công lập; So sánh giá trị trung bình; Đánh giá sự khác biệt trong sự khác biệt

10. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước đối với trường đại học công lập trong cơ chế tự chủ/ Lê Văn Dũng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 256 tháng 10/2018 .- Tr. 92 – 98

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng và khuyến nghị đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước hiện nay cho các trường đại học công lập Việt Nam. Hiện tại cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước còn mang tính bao cấp, bình quân, chưa khuyến khích đơn vị phát triển nguồn thu và cơ chế hỗ trợ ngân sách Nhà nước trực tiếp cho cơ sở đào tạo làm người học chưa nhận thấy được sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước cho người học, làm hạn chế nhận thức trách nhiệm xã hội đối với người học. Tác giả khuyến nghị đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước thông qua cấp học bổng trực tiếp cho người học, trên cơ

sở chi phí đào tạo của từng trường, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, khuyến khích đơn vị phát triển nguồn thu và làm thay đổi nhận thức trách nhiệm xã hội của người học, hạn chế lãng phí chi phí trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả của xã hội.

Từ khóa: Tự chủ tài chính; Đổi mới cơ chế tài chính đại học công lập; Tự chủ đại học

Trung tâm Thông tin Thư viện